

HOÀ NÔNG NỈ CHỒI

Bố đẻ: Anh Chính

Nữ đẻ: Mã gia

Tổng số trẻ: 314

Sang: Bùn thớt ghe tời ca rô 4 năm giai hạn

tây rau hương

Sông grow

Trưa: Cơm thớt kho tiêu nấu huân rôm

Canh chua ca chua thơm gia nấu bắp ngò

gai toàn kho cà chua hồng

Món luộc: bí xanh

Xe sô grow

Xe chèo: Nui thớt toàn tời ca rô 4 năm mốp

bắp

Số Tiền Trên Mỏ Trẻ 37022

STT	Tên thức phẩm	Khoá lóng(g)	Nón giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒI			
1	Rơm (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Toàn kho	200	87,560	175,120
3	Toàn biển	2,500	36,540	913,500
4	Cà chua	3,000	23,210	696,300
5	Cua ghe	800	95,150	761,200
6	Nấu mầm Cùi (loại 1)	3,000	6,820	204,600
7	Đầu thớt mốp	3,000	6,280	188,400
8	Nấu cơm	4,000	3,880	155,200
9	Đầu mốp	1,000	4,200	42,000
10	Xi dầu	1,000	1,100	11,000
11	Hạt tiêu	300	33,330	99,990
12	Gạo tẻ máy	18,000	2,630	473,400
13	Ngô (bắp) tời	1,000	3,680	36,800
14	Hành lá	1,500	5,360	80,400
15	Hành củ tời	1,000	6,300	63,000
16	Ca rô	5,500	5,570	306,350
17	Gia nấu xanh	3,000	2,780	83,400
18	Nấu rôm	2,000	14,180	283,600
19	Rau hương	100	11,130	11,130
20	Hành tây	500	3,680	18,400
21	Mốp	2,000	4,200	84,000
22	Ca chua	3,500	6,300	220,500
23	Rau muối tam (ngongai)	100	6,620	6,620
24	Nấu bắp	1,200	7,460	89,520
25	Bí nạo (Bí xanh)	3,500	4,150	145,250
26	Bùn	18,000	1,710	307,800
27	Nấu huế chèo	3,000	3,300	99,000
28	Nui	8,500	3,520	299,200
29	Thớt lớn nạt	17,400	18,900	3,288,600
30	Đầu ta	2,000	3,050	61,000
Cộng				9,226,480
	*XUẤT KHO			
31	Sông bắp Abbot Grow	11,700	20,500	2,398,500
Cộng				2,398,500
Tổng tiền thức phẩm				11,624,980 đ
Chi phí khác				0 đ
Tiền nộp chi trong ngày				11618000 đ
Số dư đầu ngày				0 đ
Số dư cuối ngày				-6980 đ
Xuất ăn lượ kết thúc tháng				
Tiền chuẩn lượ kết thúc tháng				
Tiền chi lượ kết thúc tháng				